

Số: **6863** /BCT-VP
V/v triển khai thực hiện
Quyết định số 1369/QĐ-TTg
ngày 03 tháng 9 năm 2020
của Thủ tướng Chính phủ

Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2020

Kính gửi:

- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức ngành Công Thương;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ.

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước;

Ngày 03 tháng 9 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1369/QĐ-TTg về việc ban hành Danh mục bí mật nhà nước thuộc lĩnh vực Công nghiệp và Thương mại, Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành (*kèm theo bản sao*). Để triển khai thực hiện các văn bản nói trên, đề nghị các đơn vị lưu ý một số quy định trong việc xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước, cụ thể như sau:

- Việc xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước phải căn cứ vào danh mục bí mật nhà nước thuộc các lĩnh vực do Thủ tướng Chính phủ ban hành và quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.

- Người soạn thảo, tạo ra thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước phải đề xuất người đứng đầu cơ quan, tổ chức xác định bí mật nhà nước, độ mật của bí mật nhà nước, nơi nhận, số lượng bản phát hành, được phép hoặc không được phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước tại Tờ trình, Phiếu trình duyệt ký văn bản hoặc văn bản xác định độ mật của vật, địa điểm, lời nói, hoạt động chứa bí mật nhà nước và có trách nhiệm bảo vệ nội dung bí mật nhà nước trong quá trình soạn thảo, tạo ra. Tài liệu bí mật nhà nước phải thể hiện nơi nhận, số lượng bản phát hành, tên người soạn thảo, được phép hoặc không được phép sao, chụp ở mục nơi nhận của tài liệu. Trường hợp văn bản điện tử, người soạn thảo phải tạo dấu chỉ độ mật trên văn bản sau khi được người có thẩm quyền xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước; văn bản điện tử khi in ra để phát hành phải đóng dấu độ mật theo quy định.

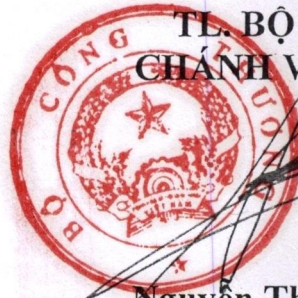
- Người tiếp nhận thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước, nhưng chưa được xác định là bí mật nhà nước phải báo cáo người đứng đầu cơ quan, tổ chức và chuyển đến đơn vị có chức năng xử lý. Người được giao xử lý phải có văn bản đề xuất người đứng đầu cơ quan, tổ chức xác định bí mật nhà nước, độ mật của bí mật nhà nước, nơi nhận, số lượng bản phát hành, được phép hoặc không

được phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước. Thông tin tiếp nhận phải được bảo vệ trong quá trình tiếp nhận và xử lý.

Bộ Công Thương đề nghị các đơn vị liên quan triển khai thực hiện và đồng thời xây dựng, ban hành nội quy bảo vệ bí mật nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị mình theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lưu: VT, VP (diund).



**TL. BỘ TRƯỞNG
CHÁNH VĂN PHÒNG**

Nguyễn Thị Lâm Giang

Số: 1369/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 03 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
VỀ VIỆC BAN HÀNH DANH MỤC BÍ MẬT NHÀ NƯỚC
THUỘC LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 15 tháng 11 năm 2018;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bí mật nhà nước độ Tối mật gồm:

1. Kế hoạch, chương trình hành động của Bộ Công Thương thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển công nghiệp, thương mại và năng lượng trực tiếp phục vụ nhiệm vụ an ninh, quốc phòng chưa công khai.

2. Văn bản, báo cáo, kế hoạch, giải pháp thực hiện của ngành cơ khí, luyện kim, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, năng lượng điện, dầu khí, thương mại liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ an ninh, quốc phòng chưa công khai.

3. Bản thiết kế, sơ đồ cung cấp điện nội bộ của các công trình an ninh, quốc phòng.

4. Hồ sơ, tài liệu Dự án DA-16/08.

Điều 2. Bí mật nhà nước độ Mật gồm:

1. Phương án, kế hoạch, tài liệu chuẩn bị, nội dung đàm phán, báo cáo kết quả tham dự các Hội nghị trong khuôn khổ hợp tác ASEAN (bao gồm cả hợp tác ASEAN và các đối tác), APEC, ASEM, WTO chưa công khai.

2. Văn bản của Bộ Công Thương báo cáo lãnh đạo Đảng, Nhà nước đề xin ý kiến chỉ đạo về công tác hội nhập khu vực và tiểu vùng quốc tế, chính sách thương mại có ảnh hưởng, tác động đến kinh tế - xã hội của đất nước chưa công khai.

3. Phương án, tài liệu tham vấn với các bộ, ngành liên quan đến thẩm định hồ sơ, các kết luận áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại chưa công khai.

4. Tờ trình, báo cáo của Bộ Công Thương trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về chọn đối tác, nội dung, phương án, văn bản ký kết các dự án nhà máy điện thuộc công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

5. Báo cáo phương thức vận hành của hệ thống điện quốc gia, hệ thống điện miền, hệ thống điện các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phục vụ các sự kiện chính trị, kinh tế - xã hội quan trọng khi chưa thực hiện.

6. Sơ đồ lưới điện cao áp nội bộ của các công trình, mục tiêu quan trọng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định.

7. Chiến lược, quy hoạch có nội dung liên quan đến trữ lượng dầu khí của từng khu vực, địa điểm; văn bản, báo cáo về địa điểm, trữ lượng các phát hiện dầu khí tại Việt Nam chưa công khai.

8. Báo cáo tổng thể hoạt động tìm kiếm thăm dò dầu khí của các bể dầu khí tiềm địa Việt Nam chưa công khai.

9. Chiến lược, quy hoạch quặng phóng xạ Uran, Thori chưa công khai.

10. Thông số kỹ thuật của thiết bị chính, sơ đồ chính bố trí lắp đặt trang thiết bị, dây truyền vận hành của các công trình điện lực, hóa chất, hóa dược, lọc, hóa dầu phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh chưa công khai.

11. Phương án, kế hoạch bảo vệ an ninh, an toàn các công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia thuộc lĩnh vực Công nghiệp và Thương mại tại Việt Nam.

12. Báo cáo phương án chỉ đạo, điều chỉnh giá mặt hàng xăng dầu đang trong quá trình xin ý kiến của các bộ, ngành liên quan, lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Chính phủ chưa công khai; phương án chỉ đạo, phương án điều chỉnh giá điện đang trong quá trình xin ý kiến của lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Chính phủ chưa công khai.

13. Kế hoạch kiểm tra đột xuất vụ việc vi phạm pháp luật thuộc lĩnh vực Công nghiệp và Thương mại chưa công khai.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

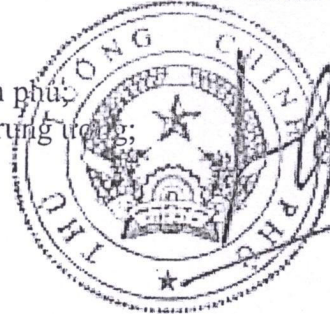
1. Bộ trưởng Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Quyết định này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (2).

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc